

895.922 803

ĐC

NH 121 V

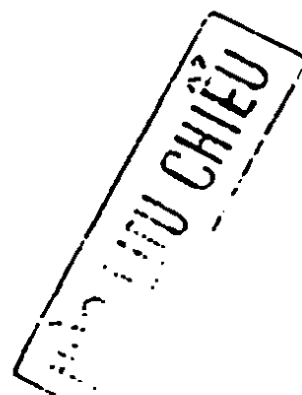
NG BÉ

NHÂN VẬT TÔI YÊU



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI - 2000

Nhân vật tôi yêu



$$\frac{V_{23}}{DN \cdot 2000} 1443 - 2000$$

MAI SÔNG BÉ

NHÂN VẬT
TÔI YÊU

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

THƯ VIỆN TỈNH ĐỒNG NAI
XBP ĐỊA PHƯƠNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI - 2000

2018/ĐC/VV 00001392

LỜI GIỚI THIỆU

Khi đọc tập sách này hẳn nhiều bạn đọc có cảm tưởng hình như mình đã đọc ở đâu đó. Đúng như vậy! Tất cả các bài viết trong *Nhân vật tôi yêu* đều được đăng trên các báo *Sài Gòn giải phóng*, *Tuổi Trẻ*, *Đồng Nai*... Tác giả của tập sách, nhà báo Mai Sông Bé, Chủ tịch Hội nhà báo Việt Nam tỉnh Đồng Nai, một cây bút rất đỗi quen thuộc với đông đảo bạn đọc hàng chục năm qua. Anh đã tập hợp những bài viết được anh cho là ưng ý nhất trong những năm gần đây, cùng một chủ đề để in thành sách.

Thông thường, những bài viết trên báo chí có giá trị thời sự nóng hổi, đáp ứng nhu cầu thông tin mang tính tức thì của công chúng. Ngày nay, không ai đọc báo ngày hôm qua, thậm chí bực mình khi đọc những tin, bài trên một tờ báo mới nhưng đã cũ. Nhiều

tác phẩm báo chí dù ban đầu có tiếng vang trong lòng bạn đọc nhưng trải qua thời gian thì đó chỉ là kỷ niệm quá vãng, ít ai tìm đến nữa. Song, cũng có những tác phẩm báo chí vượt qua thử thách khắc nghiệt của thời gian và quy luật tiếp nhận mang tính tất yếu ấy. Trong hơn 20 năm cầm bút của mình, nhà báo Mai Sông Bé đã có không ít những bài viết như thế. Đó là cái *duyên* và cũng là *hạnh phúc* của một nhà báo.

Khép lại một chặng đường làm báo trên hai mươi năm, trước thềm thiên niên kỷ mới, anh Mai Sông Bé đã chọn trong số những bài viết ấy hình thành một tác phẩm về vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, quê hương của anh và những người được anh chọn là "nhân vật". Vì thế, có thể chia tập sách thành hai phần, nhưng suy cho cùng, cũng là một bởi tất cả những con người ấy đã sống hết mình trên quê hương mà theo cách gọi của nhà văn Lý Văn Sâm là "quê nhau rún".

Nhà văn Nga I.G.Erenburg (1891 - 1967) từng nói, "nước Nga có thể thiếu tôi, nhưng tôi không thể sống thiếu nước Nga". Không ai biết yêu dân tộc, nhân loại mà lại không biết xót đau trước những hy sinh, mất mát và không reo ca trước những niềm vui của làng xóm, quê hương. Ở những con người mà anh Mai Sông Bé gọi là "nhân vật" điều đó càng rõ hơn. Tác giả không những hiểu mà phần nào đã sống với những nhân vật ấy. Anh viết báo không chỉ với tư

cách là người đưa tin, kể lại những điều bạn đọc chưa biết. Sự đồng cảm, sẻ chia với cuộc đời và những người mình yêu mến của tác giả đã khiến trang viết có hồn. Và, cũng chính vì thế, chúng vượt qua thử thách của thời gian, vượt qua tính nhất thời của thông tin báo chí.

Trong cuộc sống, đôi khi có vùng đất, con người thân thuộc với chúng ta đến độ cứ nghĩ mình đã biết tất cả, hiểu tất cả. Nhưng rồi, một ai đó kể một điều gì về vùng đất, con người ấy mới hóa ra không hẳn như vậy. Vùng đất Biên Hòa với những trầm tích lịch sử, văn hóa còn biết bao điều bí mật. Đọc Bình Nguyên Lộc, Huỳnh Văn Nghệ, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bỗn... chúng ta đã không ít lần ngạc nhiên. Bây giờ, đọc Mai Sông Bé, tôi nghĩ hẳn bạn sẽ tìm thấy không ít điều kỳ thú. Đó không phải là chuyện do tác giả "bịa" ra, nhưng anh là người có con mắt biết *nhìn ngắm* và *kể lại* theo cách của người trong cuộc. Dĩ nhiên, ở tập sách này, anh Mai Sông Bé còn luận bàn lắm chuyện kinh tế, xã hội... Điều này cũng là thường tình trong tác phẩm của một nhà báo hay ưu tư, bức xúc chuyện đời như anh.

Biên Hòa, 12 - 2000

BÙI QUANG HUY

HÀO KHÍ ĐỒNG NAI

Từ điển tiếng Việt định nghĩa hào khí là “ý chí hùng mạnh, phóng khoáng”. Trong lịch sử 4000 năm văn hiến của dân tộc Việt Nam, cụm từ hào khí được nhắc đến hai lần: lần thứ nhất là hào khí Đông A trong kháng chiến chống giặc Nguyên Mông thời Trần và hào khí Đồng Nai, có từ thời tổ tiên mang gươm đi mở cõi cho đến lúc Nam bộ dựng cờ khởi nghĩa, là những người “đi trước về sau”, đặt dấu chấm kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm giải phóng dân tộc bằng chiến dịch mùa xuân trên thành phố Hồ Chí Minh. Vậy hào khí Đồng Nai là gì?

Những dấu ấn mang tính thời đại.

Xưa kia, danh xưng Đồng Nai dùng để chỉ cả vùng đất rộng lớn, màu mỡ của Nam kỳ lục tỉnh, giàu



Văn bia Biên Hòa Đồng Nai 300 năm (1698 - 1998)

Kỷ niệm 300 năm
của Biên Hòa -
Đồng Nai (1698-
1998), từ tháng 5-
1998 thành phố
Biên Hòa đã tổ chức
cuộc thi sáng tác
văn bia. Có tám bài
văn bia của bảy tác
giả tham gia, trong
đó tác phẩm của
nhà nghiên cứu
HUỖNH NGỌC
TRĂNG được trao
giải nhất.
Ngày 15-12-1998
Văn bia tưởng niệm
300 năm Biên Hòa
đã được dựng ở cù
lao Phố bên cạnh
dền thờ Lê thành
hầu Nguyễn Hữu
Cảnh. Đó là một
cảnh sông nước hữu
tình và cũng là một
địa điểm lịch sử
khởi phát cho công
cuộc mở cõi ở
phương Nam.



Sách sử chép rằng 300 năm trước, từ cửa sông Xoài Rạp dẫn thượng nguồn Đồng
Nguyên, núi sông một dải mịt mù chưa phân định.
Rừng hoang chờ đợi mọi mồn mọi áng khô lăm chiều từ bếp ẩm;
Sông xanh khao khát một tiếng chào khua.
Cỏ, sâu thối gấm; ruộng thu chưa người cày quăn;
Mặt đất âm u; không kẻ vạch lữ bộ gài.
Nhà Bả nước chảy chia hai; mỗi hôm nga ba sông vắng tiếng hát; bia rừng lộng gió,
đem no ngàn một khúc ru ơ.
Rừng chất rừng hoang, đánh lửa đốt cây; gieo hạt; một học thức gặt hơn trăm học. Nhứt
thóc nhì cau; cơm Nại; Bija, cá Rì; Rạng tiếng đèn từ xứ.
Cù lao Phố bốn phương tụ hội; chỗ đã lặt đường; dựng lầu xây phố; tàu hải dương mua
bán chất sông - xứ đó hồi rằng Nam Trung không dấu bành kíp.
Ngày lại tháng qua, năm Mậu Dần; tiết xuân con ẩm, tiếng trống chuông quan quân vào
đón; Lê thành hầu cầm gươm, xuống đất định danh phủ Gia Định từ đây; vạch dọc xo
ngang lợp thôn, lán, xóm, ấp; xem địa cuộc phân thành hai huyện; lấy Đồng Nai đất huyện
Phước Long dựng dinh Trấn - an ngữ địa đầu vùng đất mới!
Đất đã có tên, lộng thôn có đình chùa, miếu, võ; hát xương ấu cạ cầu quốc thái dân an;
Văn Thánh miếu rõ ràng, chốn lầu tranh vách lữ; ở a chữ nghĩa thành hiền.
Đàng Đai Đò bêu lữ hai dân lành hội giữa chợ; Nguyễn Thị Tôn giồng trồng kêu oan, bỏ
hối sớm đông (trước cổng đò).
Trịnh Hoài Đức, Bùi Hữu Nghĩa; đàn sách dùi mài, dục xứ có bước lên hàng văn vật.
Thủ Huồng, Thị Vải; kẻ tâm thành, người trịnh liệt ghi sự tích cho núi, cho sông.
Những tương; trăm năm võ rường, đất diễn mặc sức chim bay; hàng lữ; núi rừng, sông
dải, trên bến dưới thuyền, phố chợ thành thăng; sung mậu. Nào ngờ đâu; Bến Nghé của
tên tan như bọt nước; tàu sai, súng đồng giặc đến; Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây.
Muôn người như một, chẳng đợi quân dõ, trông giục, liều mình xông tới; một lưỡi dao
phay cũng quyết ra tay độc ác đoạn kinh.
Hồi ổi Đai đến Chi Hòa thất thủ, lữ lữ sa cơ màu đỏ bình nhung; Biên Hòa nước mất
rừng rỗng, tháp non hương thơm lạp đến thính thư hồn từ ái.
Giáo cây súng to, tàu lớn lữ và giăng dây thép, võ hoa đó muốn biến dân to thành trâu
thành ngựa; nào hay đâu; lúc lữ Nam Kỳ, có Bình Tây lấy lữ khắp chốn; dưới Long
Thần; Nguyễn Lãnh Bình đây quan ứng nghĩa; trên bưng Mậu Đoàn Văn Cự mưu đại sự
phục thù. Trại Lãm Trung soạn ba mươi tám lữ; lệnh vì tương, tư vì thân; sông chất anh
hùng nào nại.
Trời Đồng Phố, sáng chiếu phủ kín mây đen, bốn Lang Sa xi xô quả lại; rừng cao su,
bào kê khắp mọi người, đêm thấy chú vầy rơi do, lữ ổi thôi.
Mây lữ chân hòa, hạt giồng đỏ Phú Riềng này mầm lữ ổi; có hua lữ phát phối nơi
hàng xương, lữ thôn; "Hồi những người nó lữ ở thổ gian, vùng dưng đây, trên này là
trần quốc".
Thằng Tám cách mạng thành công, độc lập, tự do - lữ reo hò võ ngục;
Mùa thu năm ấy sao vàng sao xuyên; chốn khu Đ vàng dõ; Tiền quân ca.
Rừng núi đang tay, đèn người yêu nước.
Kẻ lữ bản, người lữ thơ; rộn gươm thính thổ sông chốt với quân thù.
Tập kích Biên Hòa; đất to đầu đò giặc thu chiêm đông; chặn đánh Lê Ngò; cắt lữ giao
thông không cho chúng lữ qua.
Trần Đồng Xoài (lữ nỏ), Trần Trưng Bôn, Trảng Táo bưng lữ; tháp cạnh, lữ cốt chắc
bôn; dõm hăm hai - một phút tan thành bình địa.
(...)
Thục dân Pháp hội hõn em đầu bỏ chạy; dõ quốc Mỹ hung hũn ở ai kạp vào.
Trần Nhạ Xanh bao cho giặc biết; đất này không chỗ dưng thân; khám Tân Hiệp tan
tành, nỏ cho nguy rỏ; rằng đây kềm gài, tương dõ không giam được những người yêu
nước.
Năm sáu bốn; sân bay Biên Hòa nằm trong hõn cỏi; năm sáu sáu; Tổng kho Long Bình
vật mồn trong túi dặc công.
Rừng Sác, Long Tàu... sông rạch ấy, tàu binh, tàu chiến đầu dõ vào ra; thành Tuy Hạ
mây lữ kho đạn nổ tung như trời lộng đất lữ.
Mậu Thân, thì thành lữ đây; chiến thăng ai vô ta.
Bảy lữ, Xuân Lộc; cửa thòp giặc võ toang; dõn đại quân giết phóng.
Ba mươi năm sạch dõn quân thù. Độc lập, tự do; có Bao Hồ trong ngày vui đại thắng.
Ba trăm năm, mỗ hội xương máu chép lại một trang; nghìn năm, sông núi thái bình;
nhưng muốn dõn sau nhớ lại.

HÀ 20/12-98

Văn bia tưởng niệm Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm.

ý chí quật cường với những con người có tấm lòng cời mờ, phóng khoáng, bao dung, sẵn sàng tương thân tương ái, nhưng cũng ngang tàng, bất khuất. Kẻ sĩ học chỉ cốt làm người nhân nghĩa, sống thủy chung; người lao động sẵn sàng xắn tay áo “kiến nghĩa bất vi vô đông dã – lâm nguy bất cứu mạc anh hùng”.

Vùng đất mới này sau bao lần sắp xếp lại giang san, ngày nay danh xưng Đồng Nai chỉ còn khu biệt trong phạm vi địa giới hành chính là 5.864 km² của một tỉnh duy nhất ở Việt Nam mang tên của một dòng sông, lại là dòng sông thơ mộng nhất ở Nam bộ. Đất mang tên dòng sông Đồng Nai và dòng sông linh thiêng này, không chỉ thơ mộng trong mắt các nhà thơ, mà trước hết nó là một thế mạnh, một nguồn lực tiềm tàng trong mắt những nhà chiến lược về kinh tế và quân sự. Vì vậy, trong phạm vi bài viết này, chỉ xin nói về những dấu ấn lịch sử mang đậm tính thời đại của quá trình hình thành và phát triển của vùng đất mang nặng tên sông, nhằm khắc họa đôi nét về phẩm chất của một vùng đất và những con người được lịch sử giao trọng trách giữ cho được tinh anh của bốn chữ vàng “Hào khí Đồng Nai” đã được khắc bằng máu của biết bao thế hệ người Đồng Nai – Việt Nam.

Trước hết, hãy nói về những lưu dân phiêu tán từ vùng Ngũ Quảng đã từng chống chèo vượt biển đến Mũi Xuy, theo cửa Xoài Rạp, ngược dòng sông

Đồng Nai đến chọn các cù lao, các triền đất cao, trảng đất trống ven sông đốn cây, dựng chòi con, lập làng nhỏ, xây ấp lớn, sống thuận hòa bên cạnh các cư dân thiểu số bản địa. Đến năm 1679, khi các di thần nhà Minh đến xứ Bàn Lân lập nghiệp, những người Hoa này, vốn với kinh nghiệm đi biển và nghề buôn bán sẵn có, đã lập phố thị, xây thương cảng, mở mang buôn bán với thương nhân nước ngoài. Đến khi người đông, đất thuộc, lối mòn thành hai lộ đá xanh, đá trắng, bến sông hẹp gập ghềnh những thanh ván mỏng, trở thành cảng lớn, tàu buôn ra vào tấp nập, rộn rịp bậc nhất phương Nam, nhà nước liền nghĩ ngay đến việc thiết lập bộ máy công quyền, đặt nền cai trị trên vùng đất mới này. Năm 1698, như một duyên ngộ, Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh được lịch sử chọn làm người mang lệnh chúa Nguyễn vào phương Nam, cầm bút phân vạch đường biên giới, xác lập cương thổ quốc gia, xây dựng nền cai trị bằng cách cất đặt cai cơ, ký lục để lo việc bảo đảm an ninh trật tự và thu thuế ở nơi đô hội này.

Cùng với việc chăm lo mở mang kinh tế, nhất là khuyến khích mở mang nông nghiệp của vùng đất mới, các nhà chức trách lúc bấy giờ còn tính chuyện dạy chữ thánh hiền, rèn nhân nghĩa, mở mang dân trí, đặt nền cai trị lâu dài. Thế là năm 1715, Văn miếu Trấn Biên đã được khởi công tại thôn Tân Lại, phủ

Phước Long (trước cả Văn miếu Huê) để đào tạo nhân tài, đặt một dấu son cho nền giáo dục của xứ Đảng Trong ngay trên đất Biên Hòa.

Khi thực dân Pháp đưa tàu đồng, súng to, súng nhỏ đánh chiếm Gia Định và liền sau đó chúng tiến đánh Biên Hòa, làm cho “Bến Nghé của tiền tan bọt nước – Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây” thì người người vùng đứng lên dưới ngọn cờ Bình Tây Đại nguyên soái, xây dựng căn cứ Long Thành – Nhơn Trạch nổi liền đám – lá – tối – trời Gò Công, một lòng chống Pháp. Kể cả khi quan triều đình hèn nhát rút chạy trước giặc Phú Lang Sa thì Nguyễn Đức Ứng cùng các nghĩa sĩ Long Thành vẫn kiên cường chống giặc cho đến hơi thở cuối cùng. Máu của những nghĩa sĩ này đã tiếp sức cho các cuộc khởi nghĩa của Đoàn Văn Cự, Lâm Trung trại và cuộc kháng chiến thần thánh sau này.

Sau khởi nghĩa Nam kỳ thất bại, giữa núi rừng Tân Uyên vẫn có một đội võ trang của Nguyễn Văn Quỳ âm thầm nhân nãi mai phục chờ thời phục quốc. Cho nên, khi Huỳnh Văn Nghệ tuân lệnh Bí thư Xứ ủy Trần Văn Giàu về quê hương Đất Cuốc khởi cứ, chuẩn bị chiến đấu lâu dài thì, như “rồng mây gặp hội ưa duyên”, người Đồng Nai sẵn sàng “đem quách sở tàng làm sở dụng”. Chỉ một đêm suy nghĩ, người nông dân Trần Văn Kì, tiêu biểu cho những người nông

dân ven sông Đồng Nai quyết định dùng tay không bắt giặc Pháp, rồi tự tay châm lửa đốt nhà tù đường, ngược dòng sông quê hương về chiến khu Đ đầu quân đánh giặc. Rồi cũng một đêm ở rừng Khánh Vân, người du kích này đã suy nghĩ một cách đánh táo bạo để triệt hạ chiến thuật tháp canh của tướng De Latour và liền thử nghiệm ngay tại cầu Bà Kiên quê hương mình, mở ra một cách đánh mới, bổ sung vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam: cách đánh đặc công. Trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, núi rừng chiến khu Đ như một nơi mà anh hùng, hào kiệt của bốn phương về tụ nghĩa dưới ngọn cờ của Đảng. Ngay Trung ương Cục miền Nam cũng ra đời đầu tiên tại mảnh đất “Mã Đà sơn cước” nhưng anh hùng không tận này. Trái lại, Mã Đà sơn cước – chiến khu Đ từ một huyền thoại “Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất” đã ứng nghiệm với lịch sử. Từ chiến khu Đ, Quân đoàn 4 – những đứa con ưu tú của lực lượng vũ trang miền Nam đã vượt sông Đồng Nai thực hiện trận quyết chiến chiến lược suốt 12 ngày đêm ở Long Khánh – Xuân Lộc, mở toang cánh cửa thép phía Đông Sài Gòn, cùng toàn quân, toàn dân viết lên bài tráng ca trên thành phố Hồ Chí Minh.

Tư duy chiến lược, quyết sách năng động.

Đồng Nai, một vùng đất địa lợi đã từng là nơi

dung nạp những phiêu dân lưu tán cần cù, trọng nghĩa và là nơi tụ nghĩa của những người làm “quốc sự” một cách sáng tạo. Đồng thời, người Biên Hòa vốn đã từng mở cửa nhìn ra thế giới từ khi Trần Thượng Xuyên khởi nghiệm công thương. Với những truyền thống ấy, người Biên Hòa - Đồng Nai có tư duy kinh tế rất phóng khoáng và năng động trong làm ăn kinh tế bằng những tầm nhìn chiến lược. Do đó, năm 1963, trên đất Biên Hòa đã hình thành khu kỹ nghệ Biên Hòa lớn nhất miền Nam trước năm 1975 và là khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam sau ngày đất nước thống nhất. Khu công nghiệp này đã từng là niềm tự hào của người Đồng Nai, của người Việt Nam từ những năm 60 - 70 - 80 của thế kỷ này, vì bản thân nó là một động lực kinh tế, đã tạo ra một khối lượng hàng hóa lớn phục vụ cho nền kinh tế quốc dân, nhất là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế trước đây.

Từ tiền đề công nghiệp này, từ năm 1986, ngay khi Đảng Cộng sản Việt Nam phát động công cuộc đổi mới, Đồng Nai đã chủ động đề ra quyết sách chiến lược, đưa công nghiệp lên vị trí hàng đầu trong cơ cấu kinh tế và trở thành địa phương cấp tỉnh duy nhất trong cả nước có cơ cấu kinh tế công – nông nghiệp – dịch vụ. Không chỉ táo bạo đề ra những mục tiêu chiến lược, người Đồng Nai còn đề ra những giải pháp, bước đi phù hợp để đưa nền kinh tế tăng tốc trên

NHÂN VẬT TÔI YÊU

đường đổi mới. Ngay từ năm 1990, tức một năm sau khi có luật khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, Đồng Nai đã cho thành lập Công ty phát triển khu công nghiệp Sonadezi để kinh doanh cho cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Nhờ đó, đến năm 1998, Đồng Nai là một trong số ít địa phương có nhiều khu công nghiệp nhất với 288 dự án với số vốn đầu tư nước ngoài hơn 4,3 tỷ USD, trong đó trên 95% số vốn được đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, khẳng định một bước đi đúng hướng của tỉnh. Năm 1998, trong số trên 50 khu công nghiệp của cả nước, khu công nghiệp Biên Hòa 2 của Đồng Nai nổi lên như một khu công nghiệp thành công nhất ở Việt Nam với gần 90 dự án thuê gần hết diện tích đất cho thuê và thu hút trên một tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài.

Ngay trong thời điểm nền kinh tế của nhiều nước ở châu Á bị khủng hoảng, công nghiệp Đồng Nai vẫn giữ nhịp độ tăng trưởng trên 16%, nên nhiều chỉ tiêu công nghiệp đặt ra cho năm 2000, Đồng Nai đã hoàn thành trong năm 1998, nhân kỷ niệm 300 năm hình thành vùng đất này.

Nén tâm hương của kẻ hậu sinh.

Ngày xưa, các bậc tiền hiền đi mở cõi, mang phong thái, bản sắc, bản lĩnh của quê hương mình từ đồng bằng Bắc bộ đến duyên hải miền Trung về cùng

hội nhập thành làng, thành xã ở ven sông Đồng Nai và từng bước hun đúc nên phong cách, và phẩm chất bản sắc riêng của con người và vùng đất Đồng Nai. Đó là những phẩm chất mang những đặc trưng chung của người Việt Nam yêu nước, cần cù, thủy chung nhưng cũng đậm những đường nét riêng về phong cách của cư dân ở một vùng đất mới.

Trong chiến tranh, ý chí hùng mạnh, bất khuất, kiên cường của người Đồng Nai thể hiện khá rõ nét bằng một “Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất” cũng như khi yêu nhau, họ đều thề nguyện “Bao giờ cạn lạch Đồng Nai, nát chùa Thiên Mụ mới phai lời nguyện”. Trong xây dựng kinh tế, người Đồng Nai cũng năng động xé rào, mở cơ chế để ra quyết sách chiến lược, “đặt công nghiệp lên vị trí hàng đầu”. Quyết sách trăm năm có một ngày được đề ra, trong khi cả nước còn lo chuyện đói no hàng ngày và cũng là lúc tỉnh này mới vừa vượt qua cảnh ăn chuối xanh thay cơm, cho thấy ý chí và khát vọng rửa cái nhục nghèo đói của người Đồng Nai mạnh mẽ như thế nào.

Người Đồng Nai cũng hào hoa, phóng khoáng, luôn dang rộng vòng tay lớn với bạn bè muôn phương, không tự hiềm quá khứ, chẳng cục bộ địa phương, sống thủy chung, quý trọng hiền tài, mến mộ người đức độ... Bằng chứng là qua các thời kỳ, bao lớp cán bộ lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở đã được hình thành từ

rất nhiều nguồn, nhiều địa phương, nhiều lứa tuổi, tất cả cùng chung sức, chung lòng vì nghiệp lớn: chấn hưng văn hóa, canh tân kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương Đồng Nai. Bởi vì suốt 300 năm qua, trên mảnh đất này đã thấm đậm mồ hôi, xương máu và nước mắt của bao thế hệ người Việt Nam ở khắp mọi miền Tổ quốc.

*

* *

Hào khí và hào khí Đồng Nai là vấn đề rất lớn, phải những bậc hiền triết, thức giả với kiến thức thông kim, bác cổ luận bàn bằng không phải một, mà nhiều áng văn thì mới đúng, mới sâu. Kẻ hậu sinh vốn trẻ lòng, non dạ, tự thâm tâm không dám lạm bàn, nhưng nhân xứ Biên Hòa – Đồng Nai bước vào tuổi 300, bằng tình cảm tha thiết với mảnh đất, dòng sông đã sinh ra và nuôi mình lớn lên, nên xin viết mấy dòng tâm huyết theo thiện ý nhỏ nhoi của mình, như một nén tâm hương bày tỏ tấm lòng kính trọng và biết ơn của một kẻ hậu sinh đối với các bậc “Tiền hiền mở cõi, hậu hiền khai tâm”. 2018/ĐC/VV 00001392

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

2007/XBP/W

07016

300 NĂM BIÊN HÒA: MÁU VÀ HOA

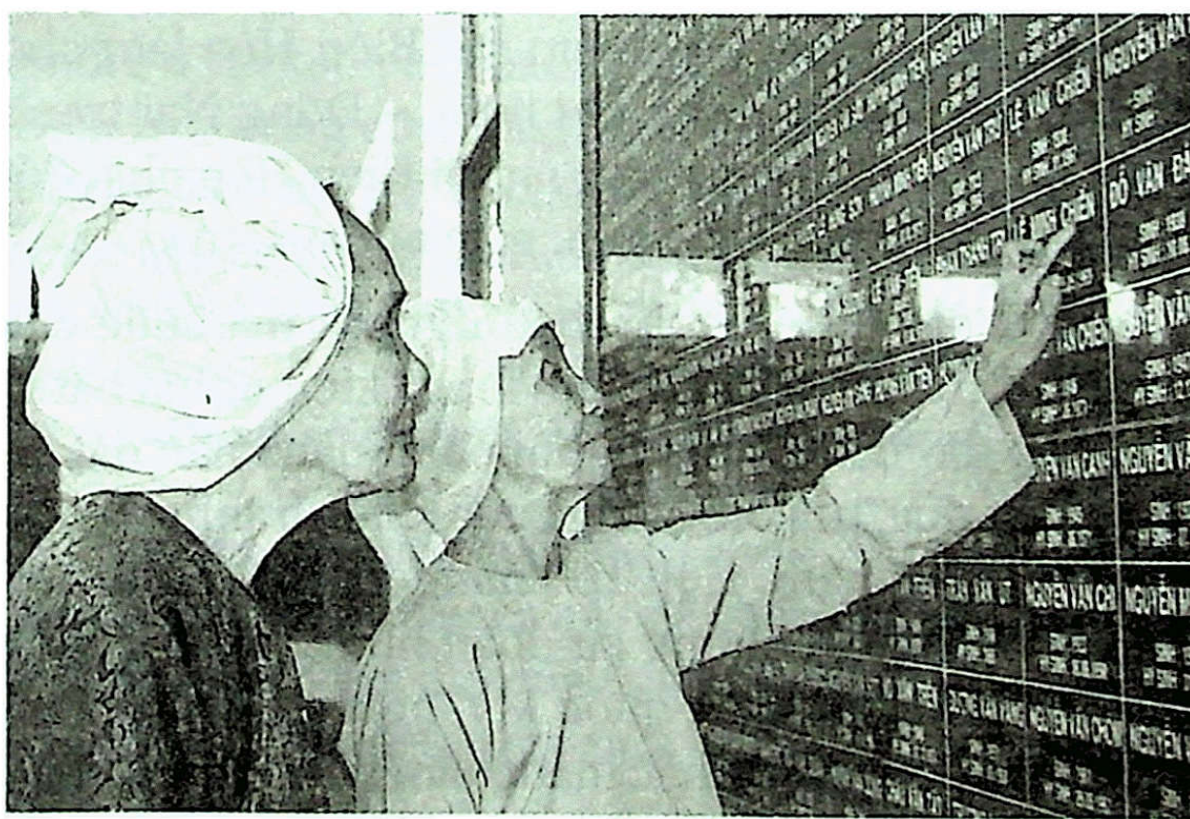
«Tù độ mang gương đi mở cõi».

Khi cầm bút viết những vần thơ hào sảng: *Từ độ mang gương đi mở cõi – Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long*, hãn tướng quân Huỳnh Văn Nghệ – nhà thơ của xứ Đồng Nai muốn nhắn nhủ với hậu thế phải nhớ đến các bậc Tiên hiền, Hậu hiền đã đổ máu và mồ hôi để tạo nên hào khí Đồng Nai, nhưng vẫn luôn khát vọng ý chí thống nhất với cội nguồn.

Bằng những nhát rựa đầu tiên phá rừng, cuốc đất khẩn hoang bên bờ Phước Long Giang mà ngày nay gọi là sông Đồng Nai, những người dân phiêu tán, lưu đày của vùng Ngũ Quảng đã bắt đầu viết những dòng đầu tiên của bản trường ca đầy máu và



Các anh và em đứng thẳng hàng.



Các bà mẹ dò tìm tên con được khắc ghi trong đền thờ liệt sĩ.

hoa, rục rờ hào khí Đồng Nai. Ngay những ngày đầu của quá trình đi khẩn đất, đất mới phương Nam với sơn lam chường khí, ma thiêng nước độc, thú dữ của rừng nhiệt đới đã nuốt chửng biết bao sinh mạng của những người mới đến. Từ một mảnh ruộng con đến một điền đất rộng, một con đường mòn nhỏ đến một nhai lộ lớn của quá trình dựng ấp, lập làng, máu và mồ hôi của tổ tiên đã thấm đầy trên từng tấc đất. Rồi cuộc chiến không thể tránh khỏi giữa nhà Tây Sơn và Nguyễn Ánh với sự giúp đỡ của ngoại bang cũng cướp đi biết bao sinh linh của những người đã một thời ngao ngán cuộc chiến tranh của hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn. Đặc biệt, từ năm 1861, khi người Phú Lang Sa nổ súng chiếm đất Biên Hòa làm cho “Bến Nghé của tiền tan bọt nước – Đồng Nai tranh ngôi nhuộm màu mây” thì, người Biên Hòa phải đối mặt với một thách thức mới: giặc ngoại xâm.

Từ đây, không chỉ thanh gươm mà cuộc cày cũng trở thành vũ khí và tấm lòng “kiến nghĩa bất vi vô đồng dã” của những người nông dân chân đất đã được hun đúc, trui rèn trong cuộc chiến tranh vệ quốc suốt hơn 100 năm. Hơn 100 năm đối mặt một cách ngoan cường với những sư đoàn hùng mạnh của từ thực dân Pháp đến đế quốc Mỹ, người Biên Hòa đã làm nên những thời khắc mang tầm quốc gia và quốc tế, làm rung động điện Elysée, Nhà Trắng và Lầu

Năm Gốc. “Bức thông điệp” mà những người yêu nước Biên Hòa gửi đến chính phủ Hoa Kỳ ngày 7 - 7 - 1959 qua trận tấn công Nhà Xanh tiêu diệt hai cố vấn Mỹ đầu tiên, nếu chính phủ Hoa Kỳ biết lắng nghe thì, có lẽ nước Mỹ không phải tốn kinh phí xây bức tường hình chữ V ở Washington D.C để khắc tiếp tên hơn 57.000 quân nhân Mỹ đã chết trận một cách vô nghĩa ở Việt Nam và cựu Bộ trưởng Quốc phòng MC.Namara không phải viết hồi ký thú nhận những sai lầm của nước Mỹ khi đưa quân sang Việt Nam.

Nếu Biên Hòa có một Đào Trí Phú từng được triều đình nhà Nguyễn cất cử sẵn sàng nghênh tiếp Edmund Robert, đặc sứ của Tổng thống Hoa Kỳ Andrew Jackson hồi năm 1836 để thương thuyết, thì Biên Hòa cũng có những Trần Công An sẵn sàng dội bão lửa vào sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, vì nước Mỹ cố tình xem thường chủ quyền và lòng yêu nước của người Việt Nam.

«Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...”

Nhà Bè nước chảy chia hai – Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về , câu ca này đã phản ánh sức hấp dẫn và tấm lòng rộng mở của đất và người Biên Hòa từ khi mở cõi cho đến ngày nay.

Bởi vì, ngay từ trước năm 1698, trên đất Biên

Hòa đã hình thành cảng Nông Nại đại phố - một thương cảng sầm uất bậc nhất ở phương Nam mà tác giả *Gia Định thành thông chí* mô tả như là một đô hội, dưới sông thuyền bè tấp nập, trên bờ phố chợ đèn sáng trưng. Xung quanh thương cảng này là 19/93 chợ lớn nhỏ của toàn vùng Nam bộ đã hình thành bên cạnh các làng nghề truyền thống như lò Gạch, lò Gốm, lò Thổi, Lộ Dã, Bình Thảo, Tân Uyên, Đồng Bản, Bình Long, Bến Cá, Bến Gỗ, Bàn Lân... Tại những nơi này, người viễn xứ có thể làm ăn sinh sống tương đối dễ dàng, cho nên mới có câu: *Làm trai cho đáng nên trai - Phú Xuân cũng trải Đồng Nai cũng từng*, *Nồi đồng thì úp vung đồng - con gái Bắc lấy chồng Đồng Nai* !... Không chỉ kinh tế phát triển mà văn hóa cũng được đặc biệt chăm lo, Văn miếu Trấn Biên được xây dựng năm 1715 (trước Văn miếu Huế) là một minh chứng sinh động cho việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài của người Biên Hòa. Những nhân tài tại chỗ, của khu vực và cả nước đã hội tụ về đất Biên Hòa, như Trần Thượng Xuyên, Trịnh Hoài Đức, Võ Tánh, Hồ Văn Bôi, Nguyễn Văn Đắc, Trương Văn Chính, Đào Trí Phú, Nguyễn Duy Doãn, Đoàn Văn Cự, Nguyễn Văn Nghĩa... đã làm rạng rỡ đất Biên Hòa. Riêng anh hùng Trần Công An, bằng trận đánh đặc công đầu tiên năm 1948, đã góp phần làm phong phú kho tàng lý luận và thực tiễn của nghệ thuật quân sự

Việt Nam. Đó là cách đánh của bộ đội đặc công tinh nhuệ nổi tiếng thế giới.

Đến năm 1963, trên đất Biên Hòa đã hình thành khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam. Tạo thế đứng cho Biên Hòa đi vào công nghiệp hóa. Không chỉ khu công nghiệp Biên Hòa mà ngày nay gọi là khu công nghiệp Biên Hòa 1, cho đến năm 1997, những người Cộng sản và nhân dân xứ Đồng Nai đã quy hoạch và xây dựng thêm 13 khu công nghiệp, trong đó, Chính phủ đã phê duyệt 7 khu công nghiệp tập trung, thu hút 174 dự án đầu tư của nước ngoài với tổng số vốn hơn 3 tỷ USD, đứng thứ 3 trong cả nước về thu hút vốn của nước ngoài. Trên cơ sở những tiền đề này, năm 1996, trong Đại hội lần thứ 6, những người Cộng sản Đồng Nai đã đề ra quyết sách táo bạo mang tính “trăm năm có một” là: “Đến năm 2000, có cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ – nông nghiệp”. Đây là quyết sách có một không hai, tính từ khi Chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh mang quyết định của Hiến Tôn Hoàng Đế lập xứ Đồng Nai, là đóa hoa rực rỡ của những người Cộng sản và nhân dân Đồng Nai – Biên Hòa kính dâng lên các bậc “Tiền hiền khai khẩn – Hậu hiền khai tâm”.

VIỆT NAM 10 NĂM ĐỔI MỚI: VƯỢT QUA CƠN CHẤN ĐỘNG ĐỊA CẦU

Năm 1986, Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng công cuộc đổi mới với mục tiêu “vượt qua chủ nghĩa duy ý chí, rũ áo quan liêu để hành động theo quy luật”. Nhưng đến năm 1991, nền kinh tế và chế độ chính trị ở Việt Nam đứng trước cơn địa chấn toàn cầu do sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Trong cơn chấn động dữ dội ấy, phép mầu nào đã đưa Việt Nam vượt qua thử thách, nếu không phải là bản lĩnh và ý chí Việt Nam mà Đảng Cộng sản là người đại diện.

Một viện trợ, cả nước rung chuyển.

Phải nói rằng, mặc dù công cuộc đổi mới đã thực hiện được mấy năm, nhưng những “di căn” của

thời bao cấp vẫn chưa chấm dứt biểu hiện bằng tâm lý; cả nước từ Bộ trưởng đến dân thường đều trông mong vào các chuyến đi nước ngoài của lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Vì nền kinh tế nước ta hồi ấy được bao cấp từ Liên Xô mỗi năm gần 1 tỷ đô-la thông qua các loại vật tư nguyên liệu, phụ tùng và hàng hóa cho các xí nghiệp, công trường. Nhưng do những hệ lụy từ thời bao cấp, nên sau khi đổi mới, tình trạng lãi giả, lỗ thật ở các xí nghiệp quốc doanh vẫn còn trầm trọng, nên nguồn viện trợ trở lại ngân sách không đáng kể, khiến nền tài chính quốc gia luôn ốm yếu. Do đó, năm 1991, khi bị mất đột ngột nguồn viện trợ từ Liên Xô, trong lúc cán cân thương mại của Việt Nam hồi ấy chủ yếu nghiêng về phía Đông Âu, nên đã mất viện trợ lại tiếp tục mất cả thị trường truyền thống khiến cho nền kinh tế Việt Nam rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Sự khủng hoảng này đã ảnh hưởng đến bữa ăn của từng gia đình, đến tiến độ sản xuất của từng xí nghiệp và làm cho các chỉ số kinh tế của từng quốc gia bị giảm đột ngột khiến cho cả nước như đứng trong cơn rung chuyển dữ dội.

Trong bối cảnh căng thẳng ấy, Việt Nam đã kịp thời điều chỉnh cán cân ngoại thương sang các nước Đông Nam Á và Đông Bắc Á, từng bước mở vòng vây cấm vận để nhập nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón...tạo nguồn năng lượng kim hãm bánh xe kinh tế

đang tuột dốc và lạm phát đang tăng vọt. Nhờ đó, các chỉ số tăng trưởng kinh tế dần dần được nhích lên và tốc độ lạm phát từ 774% năm 1986 xuống còn 67,4% năm 1990 và đến năm 1996 chỉ còn 12,5%. Có thể nói, cơn khủng hoảng kinh tế ở Việt Nam đã được khắc phục dần, môi trường kinh tế từng bước được lành mạnh hóa và tốc độ tăng trưởng kinh tế được Ngân hàng thế giới và các tổ chức tài chính quốc tế đánh giá cao. Nhìn lên biểu đồ phát triển kinh tế của Việt Nam cho thấy, nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của thời kỳ 1991-1995 đạt 8,2% trong đó năm 1995 GDP đạt mức tăng trưởng 9,5%. Trong mức tăng trưởng ấy, tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 22% năm 1990 tăng lên 30,3% năm 1995 và tỷ trọng dịch vụ từ 38,6% tăng lên 42,5%. Điều đó cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang phát triển dần theo hướng công nghiệp hóa ngày càng rõ nét.

Vượt qua cơn chấn động địa cầu.

Sau sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, bản đồ chính trị thế giới đã được vẽ lại, gây ra cơn chấn động toàn cầu đối với nhiều quốc gia. Trong cơn chấn động mà báo đài phương Tây hí hửng gọi là “thế giới chuyển biến”, Việt Nam trong thế bị cấm vận lại chịu những đòn tấn công quyết liệt của chiến lược diễn biến hòa bình. Vì

thế, đã làm cho nhiều người yêu nước hết sức lo lắng, thậm chí hoang mang, còn những thế lực thù địch thì vui mừng tưởng rằng chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam sắp sụp đổ đến nơi. Nhưng trước những thử thách của thời đại, bản lĩnh và ý chí Việt Nam một lần nữa được Đảng Cộng sản Việt Nam khơi dậy bằng việc tranh thủ thời cơ, thực hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa quan hệ ngoại giao, mở rộng vòng tay bè bạn với nhiều nước trên thế giới. Còn về mặt đối nội, Đảng Cộng sản đề ra chủ trương xóa bỏ hận thù, lấy đại nghĩa làm điểm tương đồng, khơi dậy nội lực từ con người Việt Nam để xây dựng một Việt Nam “dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh”. Nhờ đó, các nguồn lực của con người Việt Nam từ trong nước đến hải ngoại đã được tập hợp, tạo thành sức mạnh để canh tân đất nước. Nhờ đó, một mặt, Việt Nam vẫn giữ được nguyên tắc độc lập và chủ nghĩa xã hội, mặt khác vẫn mở rộng ngoại giao với 156 quốc gia và thiết lập quan hệ buôn bán với hơn 100 nước, mở cửa đầu tư đón các nhà doanh nghiệp từ 50 nước và lãnh thổ vào Việt Nam làm ăn. Có thể nói, sự kiện bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung Quốc sau 10 năm chiến tranh biên giới và với Hoa Kỳ sau 20 năm kết thúc chiến tranh, đồng thời, sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN là kết quả của 10 năm đổi mới. Trong thời gian gần đây, các nhà lãnh đạo Việt Nam lần lượt đặt chân đến hầu hết các thủ

đô ở Tây – Bắc Âu, Nam – Bắc Mỹ, Trung Quốc, Nga, Đông – Bắc Á, Nam Á, Đông Nam Á, châu Phi, Ban – căng, Nam Thái Bình Dương và hàng loạt các nguyên thủ quốc gia, kể cả nguyên thủ các nước công nghiệp phát triển lần lượt đặt chân đến thủ đô Hà Nội là sự kiện chưa từng có trong lịch sử ngoại giao Việt Nam. Những sự kiện đã tạo ra thế và lực cho Việt Nam chuẩn bị bước vào thế kỷ 21.

Mười năm đổi mới, Việt Nam vượt qua con hiểm nghèo tưởng chừng ngàn cân treo sợi tóc để đứng vững bằng đôi chân của mình và bước nhanh trên hành trình đi tới với thái độ tự tin. Đây là nguyên nhân của điều kỳ diệu ấy? Đã có khá nhiều nhà nghiên cứu phương Tây cố gắng lý giải. Nhưng có một điều họ không thể nào lý giải được. Đó là sức mạnh của tâm hồn và ý chí Việt Nam mà chỉ có những người Việt Nam yêu nước mới có thể cảm nhận nổi.

1998 - NĂM THỬ THÁCH BẢN LĨNH VIỆT NAM

Một trong những sự kiện nổi bật ở nước ta trong năm 1998 là Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 6 tại Hà Nội. Sự kiện này đánh dấu một thành tựu ngoại giao lớn, sau 3 năm Việt Nam gia nhập tổ chức này, biểu hiện việc cộng đồng quốc tế chấp nhận các chính sách đổi mới của Việt Nam, để chúng ta tự hào bước vào thiên niên kỷ mới.

Đánh giá về sự kiện này, Giáo sư Carle Thayer—một chuyên gia nghiên cứu Việt Nam của Học viện quốc phòng Australia cho rằng, đây là “một hạt trân châu” trên vương miện ngoại giao của nước Việt Nam. Thật vậy, lần đầu tiên ý tưởng ASEAN 10 đã thực hiện thành công tại Hà Nội, thể hiện sự thành công

của Việt Nam trong việc góp phần giải quyết những khác biệt các vấn đề khu vực Đông Nam Á, châu Á và thế giới. Vì các nước ASEAN và Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản là những bạn hàng chiến lược của Việt Nam với 70% các hoạt động mậu dịch và 2/3 tổng số vốn đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, góp phần thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển. Chưa hết, mặc dù Việt Nam không nằm trong số 4 nước Đông Nam Á và Hàn Quốc bị khủng hoảng kinh tế, song Nhật Bản vẫn cam kết đưa Việt Nam vào kế hoạch Miyazawa với số tiền 30 tỷ USD tài trợ cho các nước có liên quan khôi phục và phát triển kinh tế. Cũng trong năm 1998, không chỉ 4 nông dân ở Vị Thanh (Cần Thơ) đi Nhật Bản học kinh nghiệm quản lý hợp tác xã, mà gần như “toàn bộ nông dân Việt Nam” đã đi Pháp, đến tận câu lạc bộ Paris để nhận tài trợ hơn 2,7 tỷ USD cho phát triển hạ tầng nông thôn Việt Nam. Con số tài trợ này tăng 300 triệu USD so với con số mà Việt Nam được tài trợ trong hội nghị Tokyo hồi năm ngoái, nên nó càng có ý nghĩa rất to lớn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế. Bởi trong bối cảnh khủng hoảng, hình ảnh người nông dân và bộ mặt nông thôn Việt Nam nổi bật trong tầm nhìn thế giới với mức sản xuất 31 triệu tấn lương thực, xuất khẩu 3,8 triệu tấn gạo vào năm 1998 – đứng thứ hai trên thế giới, đã thuyết phục các nhà tài trợ đến từ 22 tổ

chức quốc tế và 29 nước trên thế giới cam kết giúp đỡ Việt Nam.

Những kết quả kể trên bắt đầu từ sự lãnh đạo, điều hành vĩ mô của Trung ương Đảng và Chính phủ với các cuộc gặp gỡ, đối thoại cùng các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước để tháo gỡ khó khăn, tìm biện pháp phát huy nội lực, thu hút ngoại lực trên cơ sở lấy mục tiêu phát triển đất nước và lợi ích của các bên làm trọng. Chính phủ đã tìm biện pháp tháo gỡ khó khăn bằng “liệu pháp năm 1998” với các cải tiến về chính sách thuế, thủ tục hải quan, giá cho thuê đất để thu hút vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Trung ương Đảng và Chính phủ cũng xem xét, đánh giá thực trạng nông nghiệp – kinh tế nông thôn, nhất là kinh tế trang trại - một mô hình kinh tế mới ở nước ta, nhằm khai thác các nguồn lực cho sự phát triển ở nông thôn. Đặc biệt, vấn đề nông nghiệp và kinh tế nông thôn được Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra với những chủ trương, giải pháp khả thi đi kèm, đã gây ấn tượng mạnh đối với dư luận trong và ngoài nước về nguyên tắc nhất quán của Đảng, Nhà nước ta đối với địa bàn chiến lược này. Các địa phương và từng người dân, nhất là nông dân cũng năng động tháo gỡ khó khăn, vượt qua thử thách của nắng hạn kéo dài và lũ lụt liên tiếp xảy ra, tạo ra hình ảnh một nông thôn khởi sắc.

Về mặt chính trị, các quy chế dân chủ ở cơ sở và cơ quan đã được ban hành và dần dần đi vào cuộc sống như một bước phát triển của tiến trình dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cũng lần đầu tiên, hình ảnh những người đứng đầu Đảng, Chính phủ ta xuất hiện trên truyền hình công khai trước nhân dân trong và ngoài nước bằng thái độ hết sức cởi mở, chân tình, sẵn sàng đối mặt với những vấn đề bức xúc qua các cuộc gặp gỡ giữa Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu với các nhà báo quốc tế và trực tiếp truyền hình công khai tất cả các trả lời chất vấn của các thành viên Chính phủ với các đại biểu Quốc hội. Rõ ràng, cùng với việc thực hiện đột đặc xá lớn nhất từ trước đến nay, những hình ảnh kể trên đã tạo ra trong tầm nhìn của các nhà quan sát quốc tế khát khe nhất một Việt Nam rất cởi mở và cũng rất năng động, bản lĩnh. Ngoài ra, còn phải kể đến hội nghị Việt Nam học lần đầu tiên được tổ chức tại Việt Nam với sự tham gia của nhiều học giả, giáo sư, tiến sĩ... làm cho bạn bè quốc tế ngày càng hiểu Việt Nam một cách sâu sắc hơn.

Có thể gọi 2,7 tỷ USD mà hội nghị Paris tài trợ cho Việt Nam chính là những lá phiếu đầy tính thuyết phục của cộng đồng quốc tế ủng hộ sự kiên trì cải cách có hiệu quả của Việt Nam. Đồng thời, đó còn là những lá phiếu hoan nghênh bản lĩnh Việt Nam đã vượt qua một năm đầy thử thách của khu vực và thế

giới, bằng những quyết sách đúng đắn và biện pháp điều hành sáng tạo theo phương pháp Việt Nam, rất Việt Nam.

ĐÓA HOA HỒNG NỞ SỚM

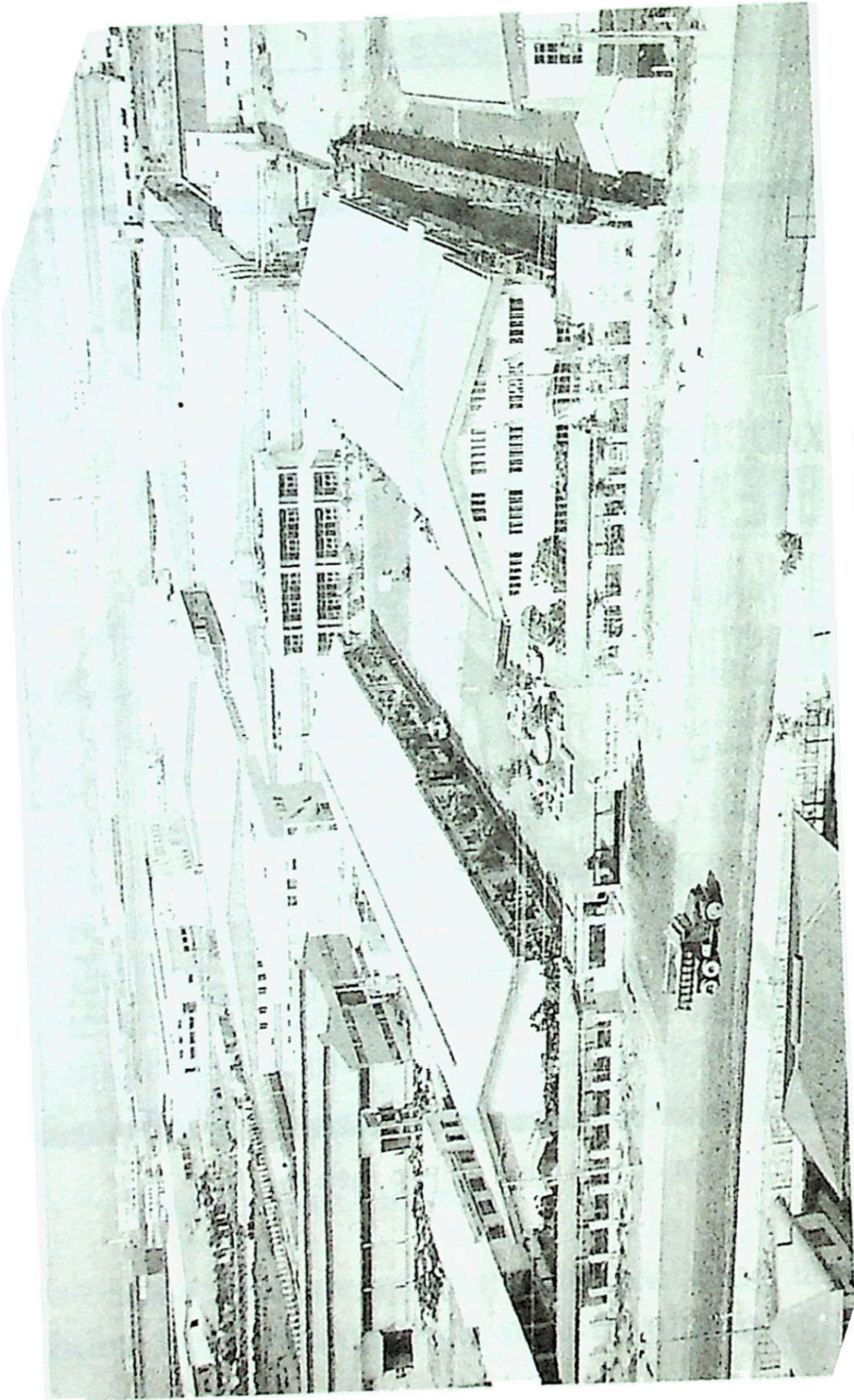
Khi người Biên Hòa – Đồng Nai chuẩn bị “chạm tay” vào thời khắc lịch sử 300 năm của vùng đất này thì cũng là lúc tỷ trọng công nghiệp trên địa bàn đã chiếm 49% trong GDP. So với mục tiêu Nghị quyết đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ 6 đề ra cho năm 2000 là 43,5% và năm 2010 là 52% công nghiệp trong GDP thì Đồng Nai đã về tới đích trước 2 năm, vượt trước mức kế hoạch 5,5% và gần tới đích năm 2010. Có thể gọi đây là một đóa hoa hồng nở sớm, mà các hậu duệ của những người đi mở cõi năm xưa, kính dâng lên các bậc tiền hiền khai sáng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

Quyết đoán táo bạo.

Còn nhớ, trong lúc Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng lương thực, phải ăn những gì có thể



Bản đồ khu công nghiệp Biên Hòa II.



Toàn cảnh khu công nghiệp Bình Hòa II.

làm no bụng được như: mì lát, bắp, bo bo, chế biến các mặt hàng từ bột mì, để làm bột luộc hay còn gọi là bánh bao không nhân cho đến mì sợi thay cơm, nhưng có lẽ chưa có địa phương nào như Đồng Nai phải ăn chuối xanh thay cơm. Lúc bấy giờ do không có gì để phân phối cho cán bộ công nhân viên và lực lượng vũ trang, tỉnh buộc phải khai thác nguồn chuối xanh từ các đồi chuối ở Thống Nhất, Định Quán hồi ấy, để phân cho các đối tượng này ăn thay lương thực, giống như cán bộ, bộ đội ta đã từng phải ăn chuối xanh, đậu nành, đậu xanh thay cơm trong những năm tháng chiến tranh ác liệt. Đến mức, bà Nguyễn Thị Hương Mai, Thứ trưởng Bộ Lương thực và công nghiệp thực phẩm lúc bấy giờ phải rơi nước mắt, khi nghe thông tin này và sau đó, quyết định điều ngay một khối lượng bo bo nhập từ nước ngoài giao cho Đồng Nai giải quyết cái đói không phải bằng chuối xanh.

Câu chuyện tương như giai thoại, mà bây giờ nhắc lại, lớp trẻ hôm nay có thể không tin đó là có thật, nhưng điều đó hoàn toàn có thật cách đây không lâu. Vậy mà, khi vừa bước qua ngưỡng cửa của cái đói phải ăn chuối xanh và ăn độn các thứ lương thực khác thay cơm như các địa phương khác, người Đồng Nai đã tính chuyện làm ăn lớn. Trong lúc cả nước đang loay hoay với cụm từ “Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thì những người Cộng sản xứ Đồng Nai đã đề ra

quyết sách, đưa công nghiệp lên vị trí đầu tiên trong cơ cấu kinh tế và đặt nông nghiệp xuống vị trí thứ hai. Đây không phải là quyết định chủ quan, duy ý chí hay nôn nóng, tả khuynh, mà quyết sách này xuất phát từ thực tiễn sinh động của khu công nghiệp Biên Hòa – một động lực của kinh tế Đồng Nai – nơi đã sản xuất ra một khối lượng lớn hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, có đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước. Đó còn là nghệ thuật “đi tắt, đón đầu”, biết chớp và vận dụng thời cơ trong lãnh đạo, điều hành kinh tế ở tầm chiến lược, cũng như những biện pháp xử lý có tính tình thế của những người Cộng sản xứ Đồng Nai.

Khi đề ra quyết sách này, Đồng Nai đã có tính đến những khó khăn do công nghệ của công nghiệp trung ương, địa phương đều lạc hậu, vật tư, nguyên liệu khan hiếm, thị trường đầu ra không ổn định... Mặc dù thế, trong giai đoạn năm 1990 - 1995, tỉnh Đồng Nai đã cố gắng đầu tư 5.480 tỷ đồng để phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đường điện, giao thông, thông tin liên lạc, tăng gấp 28 lần vốn đầu tư, so với mức đầu tư trong giai đoạn 1986 - 1990. Nguồn vốn đầu tư trong nước chiếm gần 3.000 tỷ đồng và phần lớn nguồn vốn này đều được đầu tư cho công nghiệp, nhằm thực hiện đổi mới công nghiệp, tăng năng lực sản xuất kinh doanh. Giai đoạn này, tỉnh cũng thu

hút 2,31 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp này đã triển khai 410 triệu USD đầu tư cho sản xuất.

Nhờ tập trung đầu tư cho công nghiệp, Đồng Nai đã đưa tốc độ tăng trưởng công nghiệp trong giai đoạn 1991-1995, bình quân 30,2% - tăng 2,25 lần so với mục tiêu đề ra cho thời kỳ này. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP từ 19,2% (năm 1990) tăng lên 33,4% (năm 1995). Từ cơ sở này, năm 1996, Đại hội lần thứ 6 của Đảng bộ Đồng Nai đã đề ra mục tiêu đến năm 2000 sẽ đưa tỷ trọng công nghiệp lên 43,5% và 2010 sẽ là 52% trong GDP.

Tập trung cho phát triển.

Nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển công nghiệp, Đồng Nai đã đề ra các giải pháp như quy hoạch không gian phát triển vùng kinh tế động lực Nam Đồng Nai gồm các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu và thành phố Biên Hòa có diện tích 217.000 héc-ta và số dân 760.000 người, chiếm 37% về diện tích và 49% về dân số của toàn tỉnh. Tại vùng kinh tế động lực này, Đồng Nai quy hoạch 13/17 khu công nghiệp của toàn tỉnh và đến năm 1998, đã có 8 khu công nghiệp đặt tại khu vực này được Chính phủ phê duyệt đưa vào hoạt động.

Tình xác định việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp, mở rộng hệ thống đường sá ở đô thị và nông thôn; mở rộng thêm hàng trăm km đường dây tải điện 110 KV, 35 KV, lưới phân phối 22 KV và các trạm biến áp 110/22KV ở các khu công nghiệp; xây dựng các nhà máy nước Thiện Tân, Long Bình, Tuy Hạ đưa năng lực cung cấp nước thêm hàng chục ngàn m³/ngày đêm để phục vụ sản xuất. Cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp ở khu vực này như Biên Hòa 2, Amata, Gò Dầu, Loteco, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, được các công ty kinh doanh hạ tầng tập trung hàng chục triệu USD vốn xây dựng, đáp ứng yêu cầu các nhà đầu tư. Đồng Nai cũng chú trọng đầu tư đổi mới công nghệ các ngành công nghiệp mũi nhọn, như: cơ khí, chế biến nông sản thực phẩm, vật liệu xây dựng, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, điện, điện tử và thông tin, hóa chất, cán thép và công nghiệp điện nước v.v...

Nhờ chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng kỹ thuật, có chính sách thông thoáng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi, thực hiện nhiều biện pháp tiếp thị kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước, Đồng Nai đã trở thành một địa phương hấp dẫn các nhà đầu tư. Nếu năm 1991, Đồng Nai mới có 15 nhà đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư 259 triệu USD thì đến cuối năm 1995, có 174 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn lên đến 2.310 triệu USD